

ĐƠN ĐỀ NGHỊ MỞ THẺ TÍN DỤNG & THẺ GHI NỢ QUỐC TẾ

APPLICATION FOR INTERNATIONAL DEBIT & CREDIT CARD

신용카드 및 국제직불카드 가입신청서

Dành cho doanh nghiệp
For Corporate
기업고객용

1. Thông tin chung / General Information (기본정보)

Bắt buộc / Mandatory (필수)

- Chọn thẻ / Choice (선택) ☐ Mới/New (신규) ☐ Thêm/Add (추가)
- Loại thẻ / Type of Card (카드종류) ☐ Thẻ tín dụng VISA / VISA Credit Card (VISA 신용카드)(장) _____
☐ Thẻ ghi nợ VISA / VISA Debit Card (VISA 국제직불카드)(장) _____
☐ Khác / Others (기타) _____
- Sản phẩm / Product (상품) ☐ The Point Card (포인트카드)
☐ Khác / Others (기타) _____

2. Thông tin của doanh nghiệp / Corporate Information (기업정보)

Bắt buộc / Mandatory (필수)

- Tên tổ chức / Corporate Name (기업명) _____ (Tiếng Việt / Vietnamese)
 _____ (Tiếng Anh / English / 영어)
- Mã số thuế / Tax No. (텍스코드) _____
- Số giấy phép ĐKKD/ĐKDN / Business Registration No. (사업등록번호) _____
- Địa chỉ / Address (주소) _____
- Số điện thoại / Phone No. (전화번호) _____ Số Fax / Fax No. (팩스번호) _____
- Tên người đại diện theo pháp luật / Legal Representative Name (대표자 성명) _____
- Số CC/CCCD/Hộ chiếu của người đại diện theo pháp luật / Legal Representative's ID No. (대표자 신분증 번호) _____

3. Thông tin bộ phận quản lý thẻ / Card Management Dept. (부서정보)

Bắt buộc / Mandatory (필수)

- Tên bộ phận / Department Name (부서명) _____ (Tiếng Việt / Vietnamese)
 _____ (Tiếng Anh / English / 영어)
- ☐ Cùng địa chỉ, số điện thoại và số fax với doanh nghiệp / Same Address, Phone and Fax No. as Corporate information
 (상기 기업주소, 전화번호, 팩스번호 동일)
- Địa chỉ / Address (주소) _____
- Số điện thoại / Phone No. (전화번호) - Số Fax / Fax No. (팩스번호) _____
- Tên người quản lý thẻ / Card Manager's Name (카드담당직원 성명) _____
- Số điện thoại của người quản lý thẻ / Card Manager's Mobile Phone No. (카드담당직원 휴대폰번호) _____
- Số tài khoản thanh toán / Payment Account No. (결제계좌번호)* _____
 *Tài khoản tại ngân hàng Woori Viet Nam / Woori Bank Vietnam Account (베트남우리은행 계좌)
- Tên chủ tài khoản / Account holder's Name (결제계좌소유자명) _____
- Số CC/CCCD/Hộ chiếu chủ tài khoản / Account holder's ID No. (결제계좌소유자 ID번호) _____
- Hình thức giao thẻ / Card Delivery (카드배송지) ☐ Bộ phận quản lý thẻ / Card Management Dept. (부서정보)
☐ Chi nhánh/ PGD / Branches /Transaction Office (영업점)

4. Thông tin Thẻ ghi nợ quốc tế / International Debit Card Information (국제직불카드정보)

Chỉ dành cho thẻ ghi nợ / Only for Debit Card (국제직불카드 선택시)

Hạn mức giao dịch / Transaction Limit (거래한도)

(Đơn vị tính: Triệu đồng / Unit: Million VND / 단위: 백만원)

Loại giao dịch / Type (거래유형)	Rút tiền tại ATM / ATM (자동화기기)	Thanh toán tại POS / POS (가맹점)
Một lần / One time (1회)		
Ngày / Daily (일한도)		

(Ngân hàng không gửi sao kê cho thẻ ghi nợ quốc tế mà các giao dịch được thể hiện trong sổ tài khoản ngân hàng.
Statement for International Debit card shall not be delivered; transactions are shown on payment account bankbook.
국제직불카드 청구서는 별도로 발송되지 않으며, 카드거래내역은 계좌거래내역을 통해 확인 가능합니다.)

5. Thông tin thẻ tín dụng / Credit Card Information (신용카드정보)

Chỉ dành cho thẻ tín dụng / Only for Credit Card (신용카드 선택시)

Loại thẻ / Card Type
(카드 종류)

☐ Bạch kim / Platinum(플래티넘)

☐ Chuẩn / Classic(일반)

☐ Khác / Other (기타) _____

Tổng hạn mức tín dụng tổ chức yêu cầu / Requesting the Corporate Total Credit Limit (총 희망한도)

_____ Triệu đồng / Million VND (백만원)

* Hạn mức cho thẻ không thể vượt quá tổng hạn mức tín dụng của tổ chức /

Card limit can NOT exceed Corporate Total Credit Limit (카드한도는 기업카드의 총한도를 초과 할 수 없습니다)

Hình thức nhận sao kê / Statement Delivery (청구지)

☐ Bộ phận / Department (부서) _____

☐ E-mail: _____

Tên người nhận / Name in charge (담당직원 성명): _____

6. Cam kết / Declaration (고객확인필수)

Bắt buộc / Mandatory (필수)

Tôi/Chúng tôi xin cam kết những thông tin trên là chính xác và hoàn toàn đúng sự thật. Tôi/Chúng tôi đề nghị Ngân hàng Woori Việt Nam cấp cho Tôi/Chúng tôi thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ quốc tế theo các thông tin được ghi như trên. Tôi/Chúng tôi đã nhận, đọc, hiểu rõ và đồng ý tuân theo các điều khoản tại Hợp đồng Phát hành và Sử dụng thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ quốc tế. Tôi/Chúng tôi xác nhận Ngân hàng Woori Việt Nam đã thông báo cho Tôi/Chúng tôi về phí phát hành thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ quốc tế khi phát hành thẻ. Tôi/Chúng tôi đồng ý để tự động ghi nợ tài khoản thanh toán của Tôi/Chúng tôi tại ngân hàng để thanh toán thẻ tín dụng và thẻ ghi nợ quốc tế. Tôi/Chúng tôi đồng ý chịu mọi trách nhiệm thanh toán dư nợ của thẻ.

I/We hereby confirm that the information given above is correct and complete. I/We hereby request Woori Bank Vietnam to issue to me/us International Credit Card and International Debit Card based on the information given above. I/We have received, read, understood and agreed to comply with terms in Agreement of Issuing and Using International Credit Card and International Debit Card. I/We confirm that Woori Bank Vietnam has informed me/us about fee and charges for International Credit Card and International Debit Card at the time of Card issuance. We take all responsibility to payment and card debt.

본인(본사)은 위 기재된 사실이 정확하고 틀림이 없음을 확인하며, 카드 이용 및 발급에 관한 약관을 받고, 읽고, 이해했으며, 약관 이행에 동의합니다. 또한 카드 발급시 베트남우리은행으로부터 카드의 수수료와 비용에 대하여 설명을 들었습니다. 본인(본사)은 상기 정보를 기반으로 베트남우리은행에게 카드발급을 요청하였으며, 카드사용에 따른 카드 대금에 모든 책임은 본사에 귀속됨을 동의합니다.

Tên doanh nghiệp / Corporate Name (기업명) _____ Ngày / Date (일자) dd / mm / yyyy

Người đại diện theo pháp luật / Legal Representative Name (대표자 성명)

Chữ ký và dấu doanh nghiệp / Signature (서명) & Corporate Seal (인감)

Người quản lý thẻ / Card Manager Name (카드담당직원 성명)

Chữ ký / Signature (서명)

7-1. Thông tin người sử dụng thẻ 1/Card User Information 1 (카드사용자 정보 1) Bắt buộc / Mandatory (필수)

Họ và tên (như trên CC/ CCCD hoặc hộ chiếu) / Full name on ID card/Passport (성명) _____

Tên trên thẻ / Name on Card (카드에 표기할 이름) _____

*Tối đa 22 ký tự, vui lòng bỏ qua nếu trùng với họ và tên trên CC/ CCCD hoặc hộ chiếu / Max 22 digits, please ignore if the name on card match the name on ID/Passport / 최대 22자리, 카드 이름이 신분증/여권 이름과 일치하는 경우 무시하세요.

Giới tính / Gender (성별) ☐ Nam / Male (남성)

☐ Nữ / Female (여성)

Ngày sinh / Date of Birth (생년월일) dd / mm / yyyy

Chức vụ / Position (직위) _____

Quốc tịch / Nationality (국적)

☐ Việt Nam/Vietnamese (베트남)

☐ Hàn Quốc/Korean (한국)

☐ Khác/Other _____

Số CC/ CCCD hoặc Hộ chiếu / ID Card No. (여권번호) _____

Nơi cấp / Place of Issue (발급처) _____

Ngày cấp / ID Date of Issue (신분증발급일) _____

Số điện thoại di động / Mobile Phone No. (휴대전화번호) _____ E-mail _____

Ngôn ngữ thông báo giao dịch / Transaction Notification language (승인알림 언어) ☐ Tiếng Việt ☐ English

Địa chỉ hiện tại / Current Address (집주소) _____

Số điện thoại nhà riêng / Home Phone No. (집전화번호) _____ ☐ Không có / None (없음)

Hạn mức tín dụng yêu cầu cho thẻ (nếu có) / Requesting the Card Credit Limit (if any) (카드당 한도-필요시)

_____ Triệu đồng / Million VND (백만동) - Bằng chữ / in characters (문자로 작성)

Sản phẩm / Product (상품) ☐ Thẻ Point / Point Card (포인트카드) ☐ Khác / Other (기타) _____

Tên chủ thẻ / Cardholder's name (카드사용자 성명)

Chữ ký / Signature (서명)

7-2. Thông tin người sử dụng thẻ 2/Card User Information 2 (카드사용자 정보 2) Bắt buộc / Mandatory (필수)

Họ và tên (như trên CC/ CCCD hoặc hộ chiếu) / Full name on ID card/Passport (성명) _____

Tên trên thẻ / Name on Card (카드에 표기할 이름) _____

*Tối đa 22 ký tự, vui lòng bỏ qua nếu trùng với họ và tên trên CC/ CCCD hoặc hộ chiếu / Max 22 digits, please ignore if the name on card match the name on ID/Passport / 최대 22자리, 카드 이름이 신분증/여권 이름과 일치하는 경우 무시하세요.

Giới tính / Gender (성별) ☐ Nam / Male (남성)

☐ Nữ / Female (여성)

Ngày sinh / Date of Birth (생년월일) dd / mm / yyyy

Chức vụ / Position (직위) _____

Quốc tịch / Nationality (국적)

☐ Việt Nam/Vietnamese (베트남)

☐ Hàn Quốc/Korean (한국)

☐ Khác/Other _____

Số CC/ CCCD hoặc Hộ chiếu / ID Card No. (여권번호) _____

Nơi cấp / Place of Issue (발급처) _____

Ngày cấp / ID Date of Issue (신분증발급일) _____

Số điện thoại di động / Mobile Phone No. (휴대전화번호) _____ E-mail _____

Ngôn ngữ thông báo giao dịch / Transaction Notification language (승인알림 언어) ☐ Tiếng Việt ☐ English

Địa chỉ hiện tại / Current Address (집주소) _____

Số điện thoại nhà riêng / Home Phone No. (집전화번호) _____ ☐ Không có / None (없음)

Hạn mức tín dụng yêu cầu cho thẻ (nếu có) / Requesting the Card Credit Limit (if any) (카드당 한도-필요시)

_____ Triệu đồng / Million VND (백만동) - Bằng chữ / in characters (문자로 작성)

Sản phẩm / Product (상품) ☐ Thẻ Point / Point Card (포인트카드) ☐ Khác / Other (기타) _____

Tên chủ thẻ / Cardholder's name (카드사용자 성명)

Chữ ký / Signature (서명)

7-3. Thông tin người sử dụng thẻ 3/Card User Information 3(카드사용자 정보 3) **Bắt buộc / Mandatory (필수)**

Họ và tên (như trên CC/ CCCD hoặc hộ chiếu) / Full name on ID card/Passport (성명) _____

Tên trên thẻ / Name on Card (카드에 표기할 이름)

*Tối đa 22 ký tự, vui lòng bỏ qua nếu trùng với họ và tên trên CC/ CCCD hoặc hộ chiếu / Max 22 digits, please ignore if the name on card match the name on ID/Passport / 최대 22자리, 카드 이름이 신분증/여권 이름과 일치하는 경우 무시하세요.

Giới tính / Gender (성별) ☐ Nam / Male (남성)

☐ Nữ / Female (여성)

Ngày sinh / Date of Birth (생년월일) dd / mm / yyyy

Chức vụ / Position (직위) _____

Quốc tịch / Nationality (국적)

☐ Việt Nam/Vietnamese(베트남)

☐ Hàn Quốc/Korean(한국)

☐ Khác/Other _____

Số CC/ CCCD hoặc Hộ chiếu / ID Card No. (여권번호) _____

Nơi cấp / Place of Issue (발급처) _____

Ngày cấp / ID Date of Issue (신분증발급일) _____

Số điện thoại di động / Mobile Phone No. (휴대전화번호) _____ E-mail _____

Ngôn ngữ thông báo giao dịch / Transaction Notification language (승인알림 언어) ☐ Tiếng Việt ☐ English

Địa chỉ hiện tại / Current Address (집주소) _____

Số điện thoại nhà riêng / Home Phone No. (집전화번호) _____ ☐ Không có / None (없음)

Hạn mức tín dụng yêu cầu cho thẻ (nếu có) / Requesting the Card Credit Limit (if any) (카드당 한도-필요시)

_____ Triệu đồng / Million VND (백만동) - Bằng chữ / in characters (문자로 작성)

Sản phẩm / Product (상품) ☐ Thẻ Point / Point Card (포인트카드) ☐ Khác / Other (기타) _____

Tên chủ thẻ / Cardholder's name (카드사용자 성명)

Chữ ký / Signature (서명)

7-4. Thông tin người sử dụng thẻ 4/Card User Information 4(카드사용자 정보 4) **Bắt buộc / Mandatory (필수)**

Họ và tên (như trên CC/ CCCD hoặc hộ chiếu) / Full name on ID card/Passport (성명) _____

Tên trên thẻ / Name on Card (카드에 표기할 이름)

*Tối đa 22 ký tự, vui lòng bỏ qua nếu trùng với họ và tên trên CC/ CCCD hoặc hộ chiếu / Max 22 digits, please ignore if the name on card match the name on ID/Passport / 최대 22자리, 카드 이름이 신분증/여권 이름과 일치하는 경우 무시하세요.

Giới tính / Gender (성별) ☐ Nam / Male (남성)

☐ Nữ / Female (여성)

Ngày sinh / Date of Birth (생년월일) dd / mm / yyyy

Chức vụ / Position (직위) _____

Quốc tịch / Nationality (국적)

☐ Việt Nam/Vietnamese(베트남)

☐ Hàn Quốc/Korean(한국)

☐ Khác/Other _____

Số CC/ CCCD hoặc Hộ chiếu / ID Card No. (여권번호) _____

Nơi cấp / Place of Issue (발급처) _____

Ngày cấp / ID Date of Issue (신분증발급일) _____

Số điện thoại di động / Mobile Phone No. (휴대전화번호) _____ E-mail _____

Ngôn ngữ thông báo giao dịch / Transaction Notification language (승인알림 언어) ☐ Tiếng Việt ☐ English

Địa chỉ hiện tại / Current Address (집주소) _____

Số điện thoại nhà riêng / Home Phone No. (집전화번호) _____ ☐ Không có / None (없음)

Hạn mức tín dụng yêu cầu cho thẻ (nếu có) / Requesting the Card Credit Limit (if any) (카드당 한도-필요시)

_____ Triệu đồng / Million VND (백만동) - Bằng chữ / in characters (문자로 작성)

Sản phẩm / Product (상품) ☐ Thẻ Point / Point Card (포인트카드) ☐ Khác / Other (기타) _____

Tên chủ thẻ / Cardholder's name (카드사용자 성명)

Chữ ký / Signature (서명)

7-5. Thông tin người sử dụng thẻ 5/Card User Information 5(카드사용자 정보 5) Bắt buộc / Mandatory (필수)

Họ và tên (như trên CC/ CCCD hoặc hộ chiếu) / Full name on ID card/Passport (성명) _____

Tên trên thẻ / Name on Card (카드에 표기할 이름) _____

*Tối đa 22 ký tự, vui lòng bỏ qua nếu trùng với họ và tên trên CC/ CCCD hoặc hộ chiếu / Max 22 digits, please ignore if the name on card match the name on ID/Passport / 최대 22자리, 카드 이름이 신분증/여권 이름과 일치하는 경우 무시하세요.

Giới tính / Gender (성별) ☐ Nam / Male (남성)

☐ Nữ / Female (여성)

Ngày sinh / Date of Birth (생년월일) dd / mm / yyyy

Chức vụ / Position (직위) _____

Quốc tịch / Nationality (국적)

☐ Việt Nam/Vietnamese(베트남)

☐ Hàn Quốc/Korean(한국)

☐ Khác/Other _____

Số CC/ CCCD hoặc Hộ chiếu / ID Card No. (여권번호) _____

Nơi cấp / Place of Issue (발급처) _____

Ngày cấp / ID Date of Issue (신분증발급일) _____

Số điện thoại di động / Mobile Phone No. (휴대전화번호) _____ E-mail _____

Ngôn ngữ thông báo giao dịch / Transaction Notification language (승인알림 언어) ☐ Tiếng Việt ☐ English

Địa chỉ hiện tại / Current Address (집주소) _____

Số điện thoại nhà riêng / Home Phone No. (집전화번호) _____ ☐ Không có / None (없음)

Hạn mức tín dụng yêu cầu cho thẻ (nếu có) / Requesting the Card Credit Limit (if any) (카드당 한도-필요시)

_____ Triệu đồng / Million VND (백만동) - Bằng chữ / in characters (문자로 작성)

Sản phẩm / Product (상품) ☐ Thẻ Point / Point Card (포인트카드) ☐ Khác / Other (기타) _____

Tên chủ thẻ / Cardholder's name (카드사용자 성명)

Chữ ký / Signature (서명)

7-6. Thông tin người sử dụng thẻ 6/Card User Information 6(카드사용자 정보 6) Bắt buộc / Mandatory (필수)

Họ và tên (như trên CC/ CCCD hoặc hộ chiếu) / Full name on ID card/Passport (성명) _____

Tên trên thẻ / Name on Card (카드에 표기할 이름) _____

*Tối đa 22 ký tự, vui lòng bỏ qua nếu trùng với họ và tên trên CC/ CCCD hoặc hộ chiếu / Max 22 digits, please ignore if the name on card match the name on ID/Passport / 최대 22자리, 카드 이름이 신분증/여권 이름과 일치하는 경우 무시하세요.

Giới tính / Gender (성별) ☐ Nam / Male (남성)

☐ Nữ / Female (여성)

Ngày sinh / Date of Birth (생년월일) dd / mm / yyyy

Chức vụ / Position (직위) _____

Quốc tịch / Nationality (국적)

☐ Việt Nam/Vietnamese(베트남)

☐ Hàn Quốc/Korean(한국)

☐ Khác/Other _____

Số CC/ CCCD hoặc Hộ chiếu / ID Card No. (여권번호) _____

Nơi cấp / Place of Issue (발급처) _____

Ngày cấp / ID Date of Issue (신분증발급일) _____

Số điện thoại di động / Mobile Phone No. (휴대전화번호) _____ E-mail _____

Ngôn ngữ thông báo giao dịch / Transaction Notification language (승인알림 언어) ☐ Tiếng Việt ☐ English

Địa chỉ hiện tại / Current Address (집주소) _____

Số điện thoại nhà riêng / Home Phone No. (집전화번호) _____ ☐ Không có / None (없음)

Hạn mức tín dụng yêu cầu cho thẻ (nếu có) / Requesting the Card Credit Limit (if any) (카드당 한도-필요시)

_____ Triệu đồng / Million VND (백만동) - Bằng chữ / in characters (문자로 작성)

Sản phẩm / Product (상품) ☐ Thẻ Point / Point Card (포인트카드) ☐ Khác / Other (기타) _____

Tên chủ thẻ / Cardholder's name (카드사용자 성명)

Chữ ký / Signature (서명)

8. Thư bảo lãnh / Guarantee letter(보증계약서)

Chỉ dành cho thẻ tín dụng /
Only for Credit Card (신용카드 선택시)

Kính gửi (To): NGÂN HÀNG TNHH MTV WOORI VIỆT NAM (WOORI BANK VIETNAM LTD)
CHI NHÁNH (BRANCH) _____

1. Nhằm đáp ứng yêu cầu cấp mới hoặc tiếp tục gia hạn mức thẻ tín dụng cho / In consideration of making or renewing credit card with approved credit limit to _____ với tư cách là Bên được phát hành tín dụng (sau đây gọi là "Bên được phát hành") / as a credit card applicant (hereinafter called the "Credit Card Applicant").

Tên công ty (Bên được phát hành) / Name of company (Credit Card Applicant) _____

Địa chỉ / Address _____

Số đăng ký kinh doanh / Business registration no. _____ Ngày cấp / Dated _____

Tổng hạn mức thẻ tín dụng doanh nghiệp yêu cầu / Total requested corporate credit card limit (VND) _____

(Tổng hạn mức thẻ tín dụng được cấp có thể khác với tổng hạn mức thẻ doanh nghiệp yêu cầu/ The total approved limit may be different from the total requested limit).

Số người được ủy quyền sử dụng thẻ tín dụng (sau đây gọi là: Bên sử dụng) / Number of Authorized Credit Card Users (hereinafter called the "Credit Card Users") _____

Tôi/Chúng tôi, ký tên dưới đây, cam kết với Ngân hàng (bao gồm cả bên kế nhiệm và bên được chỉ định) đối với việc thanh toán các nghĩa vụ của Bên sử dụng, và cam kết rằng theo thư yêu cầu thanh toán của Ngân hàng (có hiệu lực theo quy định tại khoản 4 của Thư bảo lãnh này), sẽ thanh toán đầy đủ số tiền của bất kỳ và tất cả các nghĩa vụ trực tiếp cho đến các nghĩa vụ ngoài dự kiến, mà riêng Bên sử dụng hoặc Bên sử dụng cùng với bất kỳ bên nào khác hiện tại đang nợ hoặc sẽ nhận nợ từ Ngân hàng theo từng thời điểm.

I/we, the undersigned, hereby guarantee to you (which expression shall include your successors and assigns) the due payment of all obligations of the Credit Card Users, and undertake on your demand in writing (to take effect as provided in clause 4 hereof) to pay to you the full amount of any and all obligations direct to contingent, which now are or may hereafter from time to time become owing to you by the Credit Card Users either solely or jointly with any others.

Với điều kiện là tổng số tiền tôi/chúng tôi cam kết theo bảo lãnh này cộng với tất cả các khoản tiền lãi, hoa hồng và các khoản phí khác phải trả Ngân hàng theo điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng và tiền lãi ở mức lãi suất bình thường đối với phần thiếu chi trên tổng số tiền mà tôi/chúng tôi phải thanh toán từ ngày Ngân hàng yêu cầu đến ngày thanh toán.

Provided that my/our total liability under this guarantee shall be together with all interest, commission and other charges due to you under the Term and Condition for Credit Card and interest at your usual rate of overdrafts on the total of the sums to due by me/us from the date of demand by you until payment.

2. Bảo lãnh này bổ sung cho và không bị ảnh hưởng bởi các biện pháp bảo đảm khác (bao gồm các bảo lãnh) mà hiện tại hoặc sau này Ngân hàng nắm giữ được từ hoặc do Bên được phát hành và không bị tổn hại hay bị ảnh hưởng bởi các khiếm khuyết trong hoặc vượt quá thẩm quyền khi thực thi quyền vay nợ của Bên được phát hành hoặc bởi bất khả kháng hoặc lý do nào khác dẫn đến vi phạm về phía Bên được phát hành và Ngân hàng được phép, không ảnh hưởng đến trách nhiệm của chúng tôi theo Thư bảo lãnh này, vào bất kỳ thời điểm nào và không phải tham khảo ý kiến của tôi/chúng tôi, từ chối cấp thêm tín dụng cho Bên được phát hành và cho thời gian hoặc gia hạn và thay đổi phương thức, nơi chốn và điều khoản hoàn trả và từ bỏ, thay đổi, trao đổi hoặc tránh hoàn thiện hoặc thực thi biện pháp bảo đảm mà Ngân hàng có được đối với các nghĩa vụ theo đây được bảo đảm và miễn trừ bất kỳ bên nào theo đó, và thực thi các biện pháp bảo đảm này hoặc bất kỳ biện pháp bảo đảm nào trong số đó, mà Ngân hàng xét thấy phù hợp, và trách nhiệm của tôi/chúng tôi sẽ tồn tại trong mọi trường hợp bất kể bất kỳ vấn đề về không đủ khả năng, không thường xuyên hoặc vi phạm ảnh hưởng đến bảo lãnh được cấp bởi tôi/chúng tôi (hoặc bởi sự chấm dứt).

This guarantee shall be in addition to and shall not be effected by any other securities (including guarantees) which you may now or hereafter hold from or on account of the Credit Card Applicant and shall not be prejudiced or affected by any defect in or irregular exercise of the borrowing powers of the Credit Card Applicant or by force majeure or other cause occasioning default on the part of the Credit Card Applicant and you are at liberty without effecting our liability hereunder at any time and without reference to me/us to refuse further credit to the Credit Card Applicant and to grant time or indulgence and to vary the manner, place and terms of repayment and to give up, vary, exchange or abstain from perfecting or enforcing any securities held by you against the obligations hereby guaranteed and to discharge any parties thereto, and to realise such securities or any of them, as you think fit, and my/our liability shall subsist in all cases notwithstanding any incapacity, irregularly or default affecting the guarantee given by me/us (or by the death).

3. Nếu Bên được phát hành lâm vào tình trạng phá sản hoặc giải thể hoặc thỏa hiệp với các chủ nợ, thì Ngân hàng được tùy ý thu xếp ưu tiên đối với toàn bộ số tiền mà chúng tôi nợ Ngân hàng hơn so với bất kỳ đưa ra bằng chứng của chúng tôi và được tùy ý chấp thuận bất kỳ sự thỏa hiệp nào như thế Thư bảo lãnh này chưa từng có, và được tùy ý lấy bất kỳ khoản lợi tức hoặc khoản thanh toán nào khác để giảm trừ đi bất kỳ nghĩa vụ nào của Bên được phát hành, và được ưu tiên hơn bất kỳ quyền yêu cầu nào của chúng tôi đối với khoản lợi tức hay thanh toán đó, và như thế Thư bảo lãnh này sẽ được áp dụng và bảo đảm mọi số dư cuối cùng sẽ vẫn thuộc về Ngân hàng.

If the Credit Card Applicant shall become bankrupt or go into liquidation or enter into a composition with creditors, you shall be at liberty to provide for the whole of the moneys so owing to you in priority to any right of proof on my/our part and to accept any composition, as if this guarantee had not been given, and to appropriate any dividends or other payments in reduction of any obligation of the Credit Card Applicant in priority to any claim by me/us in respect thereof, and so that this guarantee shall apply to and secure any ultimate balance with shall remain due to you.

4. Sao kê thẻ tín dụng được gửi bởi Ngân hàng ghi số tiền đến hạn phải thanh toán cho Ngân hàng theo Thư bảo lãnh này là chứng cứ duy nhất chỉ ra rằng số tiền thật sự đến hạn, và bất kỳ yêu cầu thông báo hoặc thủ tục pháp lý nào sẽ được xem là thỏa yêu cầu nếu được gửi bằng thư trả trước đến địa chỉ của Bên được phát hành mà Ngân hàng được biết hoặc được quy định trong Thư bảo lãnh này và sẽ được xem là đã được gửi đến địa chỉ trong quá trình chuyển thư.

Credit card statements or demands sent by you showing that any sum is due to you hereunder shall be conclusive evidence that such sum is in fact due, and any notice demand or legal proceeding shall be sufficient served if sent by prepaid post to the address of the Credit Card Applicant last known to you or stated hereon and shall be deemed to have reached the address in the course of post.

5. Thư bảo lãnh này có hiệu lực từ ngày ký và tiếp tục có hiệu lực dù có thay đổi trong thành phần của Bên được phát hành, của chúng tôi và sẽ nối rộng phạm vi trách nhiệm đến các nghĩa vụ phát sinh sau cũng như trước khi có thay đổi, cho đến khi tất cả các nghĩa vụ của Bên được phát hành theo Điều khoản phát hành và sử dụng thẻ tín dụng đã hoàn thành đầy đủ, Thư bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực.

This guarantee is effective from the date of signing and continues in force notwithstanding any change in the constitution of the Credit Card Applicant, or ourselves and shall accordingly extend to all obligations incurred or accruing after as well as before such change, until all debt obligations of the Credit Card Applicant under the Term and Condition for Credit Card has been duly performed, this guarantee shall be expired.

6. Thư bảo lãnh này chịu sự điều chỉnh và có hiệu lực theo pháp luật Việt Nam, và tất cả các tranh chấp phát sinh từ Thư bảo lãnh này, theo quyết định của Ngân hàng, sẽ giải quyết tại Tòa án của Việt Nam.

This guarantee shall be construed and take effect according to Vietnamese law, and all disputes arise out of this guarantee shall, at your sole discretion, be referred to and resolved by Vietnamese court.

Ngày / Date (일자) dd / mm / yyyy

Tên người đại diện theo pháp luật/
Legal Representative's Name (대표자성명)

Chữ ký và dấu/Signature & Corporate Seal
(서명, 인감)

Chức vụ/Position (직위) _____

Số CC/CCCD/ Hộ chiếu /Passport/ID card No. (여권번호) _____

9. Thông tin thẻ bảo đảm/ Secured Card Information (담보카드 정보)

Bắt buộc / Mandatory (필수)

☐ Thẻ tín dụng bảo đảm/ Secured Credit Card (담보제공여부),
Số tài khoản bảo đảm/ Secured Account No. (담보예금계좌번호) _____

Tôi/Chúng tôi đồng ý duy trì tài khoản bảo đảm trên (không rút tiền khỏi tài khoản) theo yêu cầu mở thẻ và cấp hạn mức tín dụng ngay cả trong trường hợp tài khoản được gia hạn, làm mới/ I/We agree to have the above account secured (hold the withdrawal) in order to apply this card or take the credit limit, even in the case of renewal the account.

상기 예금을 본 카드발급 및 한도부여를 위해 담보(지급정지)로 제공하며, 상기 예금 만기로 재예치시 담보등록(지급정지) 자동연장에 동의합니다.

Ngày / Date (일자) dd / mm / yyyy

Tên doanh nghiệp/ Corporate Name (기업명) _____

Tên người đại diện theo pháp luật/
Legal Representative's Name (대표자성명)

Chữ ký và dấu/Signature & Corporate Seal
(서명, 인감)

10. Phần dành cho ngân hàng/ For Bank Use (은행직원 기재란)

**Dành riêng cho ngân hàng/
For Bank Use Only (직원작성란)**

Kênh bán hàng/ Sales Channel (모집채널)

- ☐ Chi nhánh/ Branch (지점)
☐ Bộ phận Kinh doanh/ Sales Agency (모집센터)
☐ Bộ phận khác/ Others (기타) _____

Mã số nhân viên kinh doanh / Sales Staff ID No.
(권유직원번호) _____

Tên nhân viên kinh doanh / Sales Staff Name
(권유직원성명) _____

Các hạng mục kiểm tra/ Check List (확인사항)

- ☐ Hiệu lực của CC/CCCD/Hộ chiếu/ ID Card Validity (신분증 확인)
☐ Hồ sơ theo yêu cầu chung / Basic Document Requirements (자격/서류확인)
☐ Hồ sơ khác cho người sử dụng thẻ / Application for Card User (카드사용자 신청확인)

TIẾP NHẬN XỬ LÝ/ PROCESSED (고객 서약)	KIỂM TRA/ CHECKED (검토직원)	PHÊ DUYỆT/ APPROVED (승인권자)
Vui lòng ký & ghi rõ họ tên/ 서명 및 성명	Vui lòng ký & ghi rõ họ tên/ 서명 및 성명	Vui lòng ký & ghi rõ họ tên/ 서명 및 성명

Hồ sơ yêu cầu chung/ Basic Document Requirements for Corporate Cards (기본 자격서류 - 기업카드)

- ☐ Đơn đề nghị phát hành/ Application form (신청서)
☐ Bản sao giấy đăng ký kinh doanh/ Copy of business registration (사업자등록증)
☐ Chứng nhận đăng ký mẫu dấu/ Registered Stamp certificate (직인, 등록직인 증명서)
Bản sao CC/CCCD/Hộ chiếu người đại diện theo pháp luật/ Copy of Legal representative ID card/ passport
(대표자 여권-신분증)
☐ Bản sao CC/CCCD/Hộ chiếu người được ủy quyền/ Copy of delegator's ID/passport
(대리인 여권-신분증)
☐ Với thẻ tín dụng/ For credit card (신용카드 신청시)
• Báo cáo tài chính nộp cơ quan thuế năm gần nhất/ Copy of last year fiscal statement audited by Tax Department
(세무서에서 검증된 전년도 회계서류 사본)
• Tờ khai thuế nộp cơ quan thuế trong 12 tháng/ Copy of latest 12 months VAT declaration audited by Tax Department
(세무서에서 검증된 최근 12개월 부가세신고서류 사본)
• Bản sao tài khoản doanh nghiệp trong 6 tháng/ Copy of latest 6 months business bank statement
(최근 6개월간 은행거래 내역서)